**BÀI 1: NHỮNG GƯƠNG MẶT TH****ÂN YÊU**

**Thời gian thực hiện: 14 tiết**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ**

**TRONG LỜI MẸ HÁT, NHỚ ĐỒNG**

**NHỮNG CHIẾC LÁ THƠM THO (Đọc kết nối chủ điểm)**

**CHÁI BẾP (Đọc mở rộng theo thể loại)**

**I. MỤC TIÊU**

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**1. Năng lực**

***1.1. Năng lực chung***

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

***1.2. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, cảm xúc; nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn bản văn học.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật, phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề, nhận biết phân tích được tình cảm cảm xúc cảm hứng chủ đạo của người viết thông qua văn bản.

- Bước đầu làm được bài thơ sáu chữ, bảy chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ vé một bài thơ sáu chữ, bảy chữ.

- Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

**2. Phẩm chất**

- Yêu thương những người thân trong gia đình, yêu quê hương.

**II.KIẾN THỨC**

-Khái niệm thơ sáu chữ, bảy chữ.

-Khái niệm từ tượng thanh, từ tượng hình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà thơ, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | Trò chơi “Ô cửa bí mật”. Có 1 bức ảnh liên quan đến bài học được che bởi 5 mảnh ghép. Để lật mở được các mảnh ghép, Hs phải trả lời được câu hỏi. Hs đoán được bức ảnh trước khi lật mở hết các mảnh ghép sẽ được cộng 2 điểm.  Câu 1: Điền từ còn thiếu vào câu ca dao:  *Công cha như núi Thái Sơn*  *Nghĩa mẹ như...chảy ra*  Câu 2: Điền từ còn thiếu vào câu ca dao:  *Ai rằng công mẹ như...*  *Thực ra công mẹ lại còn lớn hơn*  Câu 3: Điền từ còn thiếu vào câu ca dao:  *Nhớ ơn chín chữ...*  *Ba năm bú mớm biết bao thân tình*  Câu 4: Điền từ còn thiếu vào câu thơ:  *Đêm nay con ngủ giấc tròn*  *Mẹ là ... của con suốt đời*  5. Điền từ còn thiếu vào câu ca dao:  *Đố ai đếm được...*  *Đố ai đếm được công lao mẹ già*  *=> Bức ảnh bí mật gợi cho em cảm xúc, suy nghĩ gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | 1.Lên non mới biết non cao  Nuôi con mới biết công lao mẹ hiền.  2.  Ai rằng công mẹ như non  Thật ra công mẹ lại còn lớn hơn.  3.  Mẹ già như ánh trăng khuya  Dịu dàng soi tỏ bước đi con hiền.  Cách 2:  Cách 3:  Câu 1: Nước trong nguồn  Câu 2: Non  Câu 3: Cù lao  Câu 4: Ngọn gió  Câu 5: Vì sao  => Bức ảnh: những gương mặt thân yêu trong gia đình  **TOP 185 bài văn Tả người thân lớp 5** |
| Thực hiện nhiệm vụ | - GV quan sát, gợi mở  - HS quan sát, suy nghĩ |
| Báo cáo  Thảo luận | - Yêu cầu HS trả lời theo yêu cầu. |
| Kết luận  Nhận định | - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại :  **Cuộc sống quanh ta có biết bao điều đáng nhớ gương mặt thương yêu của người thân, bạn bè; ánh trăng lấp lánh trên dòng sông, ánh nắng trên hàng cau, ngọn khói lam chiều,… Tất cả những điều đó làm nên sự giàu có của tâm hồn chúng ta.**  **Nhiều gương mặt thân yêu, khoảnh khắc kỳ diệu trong cuộc sống đã được thể hiện rất sinh động trong các vần thơ. Bài học này sẽ giúp các em cảm nhận được điều đó qua các bài thơ sáu chữ, bảy chữ.** |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Giới thiệu tri thức đọc hiểu**

**a. Mục tiêu:**

- Kích hoạt kiến thức về thể loại thơ sáu chữ, bảy chữ

- Nhận biết được những đặc điểm của thể thơ sáu chữ, bảy chữ qua các yếu tố vần, bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | (1)- *GV giao các câu hỏi chuẩn bị bài trước ở nhà cho các nhóm theo phiếu học tập sau:*   |  |  | | --- | --- | | ***Nhóm 1*** | *Câu 1.Hãy nêu khái niệm thơ sáu chữ, bảy chữ.* | | ***Nhóm 2*** | *Câu 2. Em hiểu thế nào về vần liền và vần cách ?Cho ví dụ.* | | ***Nhóm 3*** | *Câu 3. Thế nào là bố cục và mạch cảm xúc trong bài thơ ?* | | ***Nhóm 4*** | *Câu 4. Cảm hứng chử đạo là gì? Nêu vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học?* |   *(2)* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong trò chơi “Vòng quay may mắn” để củng cố hệ thống tri thức đọc hiểu.  *Câu 1: Đây là một thể mỗi dòng có sáu chữ, thường có gieo vần ngắt nhịp linh hoạt?*  A. Bốn chữ C. Lục bát  B. Sáu chữ D. Năm chữ  *Câu 2:Thơ bảy chữ là:*  A. Là thể thơ mà mỗi dòng thơ có bảy chữ.  B. Là thể thơ có bảy câu thơ trong một bài thơ.  C. Là thể thơ có 7 khổ thơ.  D. Là thể thơ có 7 đoạn thơ.  Câu 3: *Nhận xét nào không đúng khi nói về bố cục của bài thơ?*  *A.* Là sự sắp xếp tổ chức các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định.  B. Việc xác định bố cục giúp người đọc có cái nhìn tổng quát, biết rõ bài thơ có mấy phần, vị trí và ranh giới từng phần trong bài thơ; từ đó có thể xác định được mạch cảm xúc của bài thơ.  C. Giúp người đọc nhìn thấy, tưởng tượng thấy điều mà nhà thơ miêu tả .  *Câu 4: Em hiểu thế nào là vần liền?*  A. Là vần là trường hợp tiếng cuối của 2 dòng thơ liên tiếp vần với nhau.  B. Là vần gieo ở hai tiếng giữa câu.  C. Là vần gieo ngắt quãng  D. Là vần gieo ở đầu câu thơ.  *Câu 5: Em hiểu thế nào là vần cách ?*  *A.* là vần được gieo vào cuối dòng thơ.  B. là vần được gieo ở giữa dòng thơ  C. là vần của các bài thơ  D. là trường hợp tiếng cuối ở 2 dòng thơ cách nhau vần với nhau.  *Câu 6: Thơ sáu chữ thường có nhịp 2/2/2. Đúng hay sai?*  A. Đúng B. Sai  *Câu 7*: Cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc.*.Đúng hay sai?*  A.Đúng B. Sai | **A.Tri thức đọc hiểu**  - **Thơ sáu chữ** là thễ thơ mỗi dòng có sáu chữ. Thơ bảy chữ là thế thơ mỗi dòng có bảy chữ. Mỗi bài gồm nhiều khổ. Mỗi khổ thường có 4 dòng thơ và có cách gieo vần, cách ngắt nhịp đa dạng.  - Vần: bên cạnh cách phân loại vần chân vần lưng (đã học ở NV 7 tập 1, bộ sách CTST) vần trong thơ còn được phân loại thành vần liền và vần cách ( thuộc vần chân). Vần liền là trường hợp tiếng cuối của 2 dòng thơ liên tiếp vần với nhau. Vần cách là trường hợp tiếng cuối ở 2 dòng thơ cách nhau vần với nhau.  - **Bố cục của bài thơ**  Là sự sắp xếp tổ chức các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định. Việc xác định bố cục giúp người đọc có cái nhìn tổng quát, biết rõ bài thơ có mấy phần, vị trí và ranh giới từng phần trong bài thơ; từ đó có thể xác định được mạch cảm xúc của bài thơ.  -  **- Mạch cảm xúc của bài thơ**  là sự tiếp nối, sự vận động của cảm xúc trong bài thơ. Ví dụ: mạch cảm xúc trong Việt Nam quê hương ta của Nguyễn Đình Thi có sự vận động từ cảm xúc tự hào về vẻ đẹp quê hương đất nước đến cảm xúc tự hào, yêu thương tha thiết con người Việt Nam.,  **-Cảm hứng chủ đạo:**  là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc. Chẳng hạn, cảm hứng chủ đạo trong bài mẹ của đỗ trung lai là cảm hứng xót thương, day dứt xen lẫn bất lực, nuối tiếc khi nhận ra dấu ấn thời gian và những nỗi vất vả của cuộc đời đã in hằn lên bóng dáng người mẹ.  **-Vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học:**  Tác phẩm văn học là sản phẩm của trí tưởng tượng, sáng tạo, được thể hiện bằng ngôn từ. Vì thế, khi đọc văn bản, người đọc cần huy động nhận thức, trải nghiệm, sử dụng kết hợp các giác quan để tái hiện trong tâm trí mình thì những con người hay bức tranh đời sống mà nhà văn, nhà thơ đã khắc họa trong văn bản. Như khả năng tưởng tượng, người đọc có thể trải nghiệm cuộc sống được miêu tả, hóa thân vào các nhân vật, từ đó cảm nhận và hiểu văn bản đầy đủ, sâu sắc hơn. |
| Thực hiện nhiệm vụ | Nhiệm vụ 1: Hs trình bày theo nhóm.  Nhiệm vụ 2: Hs trả lời cá nhân.  - GV theo dõi, quan sát HS |
| Báo cáo  Thảo luận | - Yêu cầu HS trả lời theo yêu cầu. |
| Kết luận  Nhận định | - GV nhận xét câu trả lời (trong quá trình hướng dẫn HS chốt đáp án trong trò chơi, giáo viên cần giải thích cho học sinh về thơ sáu chữ, thơ bảy chữ, các yếu tố cần tìm hiểu khi học về thơ sáu chữ, bảy chữ ) và chốt kiến thức. |

**2. Hoạt động đọc văn bản Trong lời mẹ hát**

***2.1 Chuẩn bị đọc***

**a. Mục tiêu:**

- Kích hoạt kiến thức nền liên quan đến văn bản, tao sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của văn bản

- Bước đầu dự đoán được nội dung của văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | *+ GV cho hs nghe một bài hát về mẹ :*  [*https://www.youtube.com/watch?v=KGWJCAc4kGg*](https://www.youtube.com/watch?v=KGWJCAc4kGg)  ***Em hãy chia sẻ cảm xúc được gợi ra từ bài hát.***  **-Hs lắng nghe.** | **-**HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân về bài hát. |
| Thực hiện nhiệm vụ | - Hs lắng nghe bài hát, cá nhân HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi của GV.  - GV quan sát |
| Báo cáo  Thảo luận | - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |
| Kết luận  Nhận định | - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  Dẫn dắt vào bài:  **Nhà thơ Nguyễn Duy từng viết:**  **“Mẹ ru cái lẽ ở đời**  **Sữa nuôi phần xác, hát nuôi phần hồn**  **Quả thật là vậy. Đứa trẻ nào cũng từng ngày từng tháng lớn lên nhờ bầu sữa ấm nóng cũng như lời hát ru ngọt ngào của mẹ. Bởi thế từ lâu, lời hát ru ấy đã đi vào tiềm thức của mỗi người như một món ăn tinh thần không thể thiếu, để rồi len lỏi vào trong những vần thơ, tiếng ca. *Trong lời mẹ hát* của tác giả Trương Nam Hương là một trong những tác phẩm như thế...** |

**2.2 Trải nghiệm cùng VB**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | *+ GV hướng dẫn cách đọc*  *+ Gv hướng dẫn học sinh chú ý câu hỏi trong hộp chỉ dẫn*  **Liên hệ:***Khổ thơ này gợi cho em nhớ đến những câu hát ru nào?*  **Suy luận:***Điều mà con “nghe” được trong lời mẹ hát ở khổ thơ này có gì khác biệt so với bảy khổ thơ trước đó?*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ | **Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc**  - Hs chú ý nhịp, đọc diễn cảm  - Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn  **Liên hệ:** Khổ thơ này gợi nhớ đến những câu hát ru sau:  - Chú Cuội ngồi gốc cây đa,  Để trâu ăn lúa gọi cha ời ời  Cha còn cắt cỏ trên trời  Mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên  - Cái cò cái vạc cái nông  Sao mày dẵm lúa nhà ông hỡi cò  Không không, tôi đứng trên bờ  Mẹ con cái vạc đổ thừa cho tôi à ơi...  **Suy luận:** Bảy khổ trước nói về công lao to lớn và sự hi sinh thầm lặng của người mẹ dành cho con còn khổ thơ cuối thể hiện sự biết ơn và tình thương của người con dành cho mẹ. |
| Thực hiện nhiệm vụ | - Hs làm việc cá nhân  - GV quan sát |
| Báo cáo  Thảo luận | - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |
| Kết luận  Nhận định | - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức |

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc

- Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản

- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản

- Nhận biết và phân tích được nhan đề và vai trò của nhan đề trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ.

- Biết yêu thương cha mẹ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về thể thơ, vần, bố cục, mạch cảm xúc, hình ảnh | | |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | *1. Hs làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi:*  *+ Bài thơ Trong lời mẹ hát được viết theo thể thơ nào?*  *+ Nhận xét về cách gieo vần của bài thơ. Căn cứ vào đâu để em xác định như vậy?*  *2. Hs thảo luận nhóm đôi để hoàn thành PHT và trả lời câu hỏi:*  *+ Em hãy điền vào sơ đồ bố cục bài thơ theo PHT số 2 và nhận xét về nét độc đáo của bố cục bài thơ (Hs thảo luận nhóm đôi)*  *+ Chỉ ra nét đặc sắc trong các hình ảnh: Chòng chành nhịp võng ca dao và Vầng trăng mẹ thời con gái/ Vẫn còn thơm ngát hương cau.*  *3. Hs thảo luận nhóm 4-6 em để hoàn thành PHT số 3: Tìm hiểu về hình ảnh người mẹ trong khổ thơ 3 – 7*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hình ảnh miêu tả người mẹ trong khổ 3 – 7** | **Nhận xét về hình ảnh người mẹ** | **Nét độc đáo trong cách khắc họa người mẹ** | |  |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Tìm hiểu về thể thơ, vần, bố cục, mạch cảm xúc, hình ảnh**  - Thể thơ: 6 chữ  - Cách gieo vần:  + Gieo vần cách: ngào – dao; xanh – anh; trầu – cau ; con – hơn; rồi – nôi; sờn – thơm; nao – cao; ra – xa  + Căn cứ xác định: Vần cách là trường hợp tiếng cuối ở hai dòng thơ cách nhau vần với nhau  - Bố cục, mạch cảm xúc:  + Sơ đồ bố cục:    + Nét độc đáo của bố cục bài thơ: Gợi tả sự lớn dần của nhân vật con, từ khi con còn bé đến lúc trưởng thành song hành với dấu ấn thời gian trong cuộc đời mẹ. Khi đứa con còn nằm võng: lời ru mở ra hình ảnh quê hương đất nước (khổ 1,2), qua lời ru, con thấu hiểu những tảo tần, vất vả, hi sinh của người mẹ qua thời gian (các khổ 3 – 7), hình ảnh thơ mở rộng ra ý nghĩa của lời mẹ ru: lời ru giúp con lớn lên, trưởng thành (khổ cuối)  -> Đây cũng chính là mạch cảm xúc của bài thơ  - Hình ảnh  + Nhịp võng chòng chành: gợi tả người mẹ đưa võng ru con, đồng thời gợi tả âm điệu trầm bổng của những câu ca dao mẹ ru con  + Vầng trăng mẹ thời con gái,/ Vẫn còn thơm ngát hương cau: gợi tả vẻ đẹp rạng rỡ của mẹ thời trẻ  + Hình ảnh người mẹ trong khổ 3 – 7   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hình ảnh miêu tả người mẹ trong khổ 3 – 7** | **Nhận xét về hình ảnh người mẹ** | **Nét độc đáo trong cách khắc họa người mẹ** | | Vầng trăng, người mẹ vừa giã gạo vừa ru con, tấm áo bạc phếch bạc phơ, bục mối chỉ sờn, màu trắng trên mái tóc mẹ, lưng mẹ còng xuống | Hình ảnh người mẹ với vẻ đẹp của thời con gái nhưng đó còn là sự tần tảo, chịu thương chịu khó trong lao động, vất vả vì con cái. Dù vất vả nhưng lời ru của mẹ vẫn ngọt ngào, đầy ắp yêu thương, sự thảo thơm | Người mẹ được khắc họa lẫn vào lời ru, hình ảnh mẹ trong từng khổ thơ hiện lên song hành với tình cảm của con với mẹ |   . |
| Thực hiện nhiệm vụ | - - HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu bạn, hoàn thành các PHT  - Gv quan sát, cố vấn |
| Báo cáo  Thảo luận | - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |
| Kết luận  Nhận định | - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức |
| NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu cảm hứng chủ đạo | | |
| Chuyển giao nhiệm vụ | - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Hs thảo luận nhóm đôi để hoàn thiện PHT số 4*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | **2. Tìm hiểu cảm hứng chủ đạo**  - Vần, nhịp: Vần cách, cách ngắt nhịp chẵn, chủ yếu là nhịp 2/4 đều đặn gợi cảm giác giống như nhịp võng, nhịp nôi đưa con  - Cách sử dụng hình ảnh:  + Hình ảnh giàu tính tạo hình: Vầng trăng mẹ thời con gái/ Áo mẹ bạc phơ bạc phếch/ Vải nâu bục mối chỉ sờn,...  + Từ ngữ: từ tượng thanh (thập thình), tượng hình (chòng chành, vấn vít, dập dờn), từ ngữ thể hiện trực tiếp tình cảm của tác giả đối với mẹ (lạy trời đừng giông đừng bão, thương mẹ, nôn nao)  => Các yếu tố trên có tác dụng thể hiện cảm hứng chủ đạo của bài thơ là: cảm hứng về những hi sinh của đời mẹ và những giá trị tốt đẹp mà mẹ đã truyền dạy cho con qua lời ru |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS thảo luận và hoàn thành PHT số 4  - Gv quan sát, cố vấn |
| Báo cáo  Thảo luận | - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |
| Kết luận Nhận định | - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |
| NV3: Hướng dẫn học sinh Liên hệ, vận dụng, sáng tạo | | |
| Chuyển giao nhiệm vụ | *+ Em hãy nhắc lại khái niệm và chức năng của nhan đề (học ở lớp 6)*  *+ Theo em, nhan đề Trong lời mẹ hát có vai trò thế nào trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | **3. Chủ đề**  - Nhan đề là tên văn bản, thường ngắn gọn, thể hiện nội dung chính và thông điệp của văn bản.  - Chủ đề: Qua hình ảnh lời ru con của mẹ, tác giả thể hiện tình cảm yêu thương sâu sắc, lòng biết ơn đối với mẹ và tình yêu quê hương đất nước mà mẹ đã truyền dạy cho con  => Nhan đề *Trong lời mẹ hát* đã thể hiện được chủ đề của bài thơ |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn |
| Báo cáo  Thảo luận | HS trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |
| Kết luận  Nhận định | - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |
| NV4: Hướng dẫn học sinh Liên hệ, mở rộng | | |
| Chuyển giao nhiệm vụ | - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Cách thể hiện hình ảnh người mẹ trong bài thơ này có gì khác với cách thể hiện hình ảnh người mẹ trong bài thơ khác mà em biết?(Học sinh hoàn thành PHT số 5 để trả lời câu hỏi này)*   |  |  | | --- | --- | | **Trong lời mẹ hát** | **Bài thơ mà em biết**  **(.....................)** | |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | **4. Liên hệ, mở rộng**   |  |  | | --- | --- | | **Trong lời mẹ hát** | **Mẹ (Đỗ Trung Lai)** | | Tình yêu thương, lòng biết ơn đối với mẹ được lồng ghép và tái hiện thông qua hình ảnh lời ru con | Tình yêu thương, lòng biết ơn, nỗi xót xa, bất lực trước thời gian in hằn trên dáng mẹ được thể hiện thông qua hình ảnh sóng đôi mẹ và cây câu | |
| HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ | - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn |
| Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận | - HS trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |
| Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ | - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

- Khái quát lại một số đặc điểm thơ sáu chữ, bảy chữ qua văn bản Trong lời mẹ hát

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

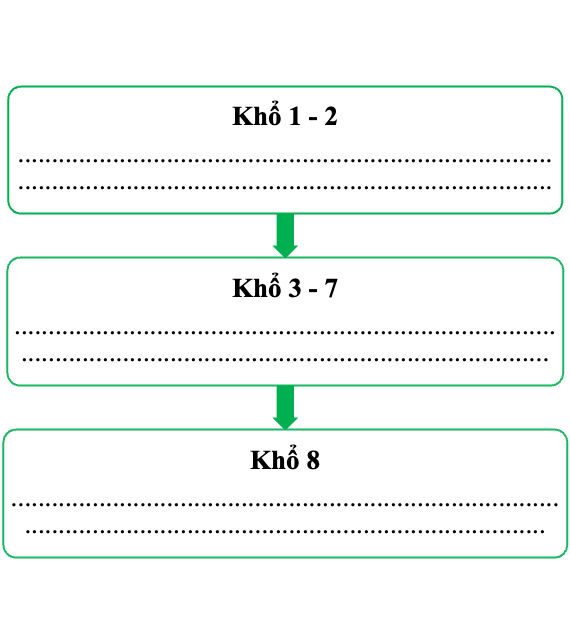
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ. Luật chơi: Hs xung phong bốc thăm các câu hỏi và trả lời nhanh. Với mỗi câu trả lời đúng của Hs, Gv có phần thưởng khích lệ. Nếu Hs trả lời sai, Hs khác có quyền tiếp tục trả lời. GV chuẩn bị đồng hồ đếm ngược 30 giây. Các câu hỏi*  *1) Nêu một số đặc điểm của thơ sáu chữ, bảy chữ*  *2) Vần liền là gì?*  *3) Vần cách là gì?*  *4) Bố cục của bài thơ là gì?*  *5) Mạch cảm xúc của bài thơ là gì?*  *6) Cảm hứng chủ đạo là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | **III. Khái quát đặc điểm thể loại**  - Thơ sáu chữ là thể thơ mỗi dòng có sáu chữ. Thơ bảy chữ là thể thơ mỗi dòng có bảy chữ. Mỗi bài gồm nhiều khổ, mỗi khổ thường có bốn dòng thơ và có cách gieo vần, ngắt nhịp đa dạng.  - Vần liền là trường hợp tiếng cuối của hai dòng thơ liên tiếp vần với nhau.  - Vần cách là trường hợp tiếng cuối ở hai dòng thơ cách nhau vần với nhau.  - Bố cục của bài thơ là sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định. Việc xác định bố cục giúp người đọc có cái nhìn tổng quát, biết rõ bài thơ có mấy phần, vị trí và ranh giới từng phần trong bài thơ, từ đó có thể xác định được mạch cảm xúc của bài thơ.  - Mạch cảm xúc của bài thơ là sự tiếp nối, sự vận động của cảm xúc trong bài thơ.  - Cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc. |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ |
| Báo cáo  Thảo luận | - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung |
| Kết luận  Nhận định | - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức |

**IV. Phụ lục**

**PHT số 1**

**PHT số 2**

Sơ đồ bố cục



**PHT số 4**

**Vần nhịp**

**Vần, nhịp, tác dụng**

……………….…………………………………………………………

**Cách sử dụng hình ảnh**

……………….……………………………………………………………..

**Cách sử dụng từ ngữ**

……………….……………………………………………………………..

**Cảm hứng chủ đạo**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Gợi ý PHT số 4**

**Tìm hiểu về cảm hứng chủ đạo**

**Vần, nhịp, tác dụng**

Vần cách, chủ yếu là nhịp 2/4 đều đặn gợi cảm giác giống như nhịp võng, nhịp nôi đưa con

**Cách sử dụng hình ảnh**

Hình ảnh giàu tính tạo hình: Vầng trăng mẹ thời con gái/ Áo mẹ bạc phơ bạc phếch/ Vải nâu bục mối chỉ sờn,...

**Cách sử dụng từ ngữ**

+ Từ ngữ: từ tượng thanh (thập thình), tượng hình (chòng chành, vấn vít, dập dờn), từ ngữ thể hiện trực tiếp tình cảm của tác giả đối với mẹ (lạy trời đừng giông đừng bão, thương mẹ, nôn nao)

**Cảm hứng chủ đạo**

Các yếu tố trên có tác dụng thể hiện cảm hứng chủ đạo của bài thơ là: cảm hứng về những hi sinh của đời mẹ và những giá trị tốt đẹp mà mẹ đã truyền dạy cho con qua lời ru

**BÀI 1. NHỮNG GƯƠNG MẶT THÂN YÊU**

**(Thơ sáu chữ, bảy chữ)**

**VB2. NHỚ ĐỒNG (TỐ HỮU)**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận VB văn học.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ: Biết thưởng thức cái đẹp trong văn học và cuộc sống từ đó khơi gợi cảm xúc trước một vấn đề trong VB và đời sống.

**3. Về phẩm chất:**

- Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, trân trọng vẻ đẹp quê hương.

- Sống có lý tưởng và theo đuổi sự tự do.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung: Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

c) Sản phẩm: Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

d) Tổ chức thực hiện: Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

***Vùng đất hoặc con người nào đã để lại trong em ấn tượng sâu đậm?***

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS tìm hiểu đôi nét về tác giả và tác phẩm.  **Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động nhóm hoàn thành yêu cầu học tập. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về nhà thơ Tố Hữu, trình bày về hoàn cảnh sáng tác bài thơ *Nhớ đồng*. (HS đã chuẩn bị ở nhà)  Hướng dẫn HS bước đầu định hướng cách đọc văn bản *Nhớ đồng*.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình trước lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học. | **1. Tác giả**  Tố Hữu (1920 - 2002), tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê ở Quảng Điền, Thừa Thiên Huế. Một số tập thơ tiêu biểu: *Từ ấy, Việt Bắc, Gió lộng, Máu và hoa,...*  **2. Tác phẩm**  *a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích*  *b. Tìm hiểu chung về văn bản*  - Hoàn cảnh sáng tác: *Nhớ đồng* được sáng tác vào tháng 7 năm 1939, trong nhà lao Thừa Phủ, khi nhà thơ bị thực dân Pháp bắt giam ở đây. Nhà thơ đề *“tặng Vịnh”* (tức Nguyễn Chí Thanh - bạn cách mạng và cùng bị bắt giam chung)  - Thể loại: thơ 7 chữ  - Cách gieo vần: gieo vần chân, liền: *“mùi”-“vui”,* kết hợp vần cách: *“mùi”-“bùi”;* ngắt nhịp 4/3.  - Bố cục bài thơ:  + Khổ 1 – 7: Cảm xúc bâng khuâng nhớ những cảnh sắc thân quen, bình dị nhưng đượm buồn của quê hương.  + Khổ 8 – 10: Cảm xúc bâng khuâng nhớ những gương mặt thân quen, trong đó có hình ảnh của bản thân và niềm khao khát tự do cháy bỏng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  **-** Nhận biết được thể thơ, cấu tứ và các yếu tố tượng trưng trong thơ; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu qua đó nắm được tình cảm của tác giả.  - Kết nối văn bản trải nghiệm với cá nhân; bồi đắp cảm xúc thẩm mĩ, tình yêu quê hương, đất nước của mỗi người.  **Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng *“Tri thức Ngữ văn”,* làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Tìm hiểu hình ảnh quê hương thông qua các yếu tố nghệ thuật và tác dụng.  - Tìm hiểu chủ đề và cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.  - Tiêu chí đánh giá:   * NỘI DUNG: truyền tải nội dung cơ bản, trọng tâm (4đ) * HÌNH THỨC: rõ ràng, đặc sắc, sáng tạo (4đ) * THUYẾT TRÌNH: tự tin, rõ ràng, lôi cuốn (2đ)   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Random nhóm trình bày sản phẩm  - Các nhóm trình bày nội dung theo yêu cầu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá dựa trên các tiêu chí đánh giá sản phẩm của nhóm. | **1. Hình ảnh quê hương**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Nghệ thuật | Tác dụng | | *Từ ngữ* | - Điệp từ *“đâu”* kết hợp cấu trúc nghi vấn.  - Từ *“gì”* kết hợp với tính từ *“sâu”* tạo thành câu hỏi tu từ nhức nhối tâm can. | Tạo thành giọng điệu da diết, sâu lắng, mãnh liệt. | | *Câu thơ* | *-* Câu thơ lặp lại 4 lần:*“Gì sâu bằng những trưa thương nhớ/ Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!”*  =>*“gì sâu bằng”* là cấu trúc khẳng định không có gì sâu xa hơn, mạnh mẽ hơn; những trưa thương nhớ là những ngày nhà thơ phải sống trong xà lim. | Khẳng định mức độ mãnh liệt của nỗi nhớ. |   => Giữa bốn bức tường của nhà giam, âm thanh của tiếng hò – âm thanh của đời thường, là chất xúc tác, gợi mở bao hình ảnh thân thương của quê hương dội về từ kí ức.  **2. Chủ đề và cảm hứng chủ đạo**  - Chủ đề: Bài thơ thể hiện tình cảm nhớ thương da diết cảnh vật quê hương con người niềm khao khát tự do của người tù trẻ tuổi có trái tim đang căng đầy nhựa sống và tràn trề nhiệt huyết.  - Cảm hứng chủ đạo: Niềm nhớ thương da diết, mãnh liệt, niềm khao khát tự do của một thanh niên trẻ tuổi trong những tháng ngày bị giam cầm, tách biệt với thế giới bên ngoài. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tâp của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

b) Nội dung: Ghi lại 3 điều em học được qua bài thơ, 1 thắc mắc cần giải đáp và 1 câu hỏi được đặt ra.

c) Sản phẩm: Phiếu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện: Hoạt động cá nhân, hoạt động cả lớp.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Chiêm nghiệm lại nội dung bài học bằng cách ghi vào phiếu 3 điều học được, 1 thắc mắc, 1 câu hỏi liên quan đến bài học.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và ghi chú vào giấy note.

- Chia sẻ nội dung và đặt câu hỏi thảo luận.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Cả lớp cùng chia sẻ nội dung bài học và trao đổi các câu hỏi liên quan.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV tổng kết, nhận xét về tiết học.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo của học sinh.

b) Nội dung: Viết khoảng 5 câu hoặc vẽ một bức tranh thể hiện sự tưởng tượng của em về cảnh sắc, con người được gợi tả trong bài Nhớ đồng.

c) Sản phẩm: Đoạn văn hoặc bức tranh được gợi tả trong bài thơ.

Yêu cầu: Viết đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn, thể hiện sự tưởng tượng của em về cảnh sắc được gợi tả trong bài thơ chứ không sa đà vào phân tích thơ.

**Bài 1**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**NHỮNG CHIẾC LÁ THƠM THO**

*– Trương Gia Hoà –*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hiểu hơn về chủ điểm “Những gương mặt thân quen” thông qua việc liên hệ, kết nối với 2 văn bản “Trong lời mẹ hát” và “Nhớ đồng”.

- Có thêm sự hiểu biết về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả Trương Gia Hoà.

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Biết trình bày cảm nghĩ, tình cảm của bản thân.

- Biết liên hệ, xâu chuỗi vấn đề ở các văn bản trong cùng một chủ điểm.

**3. Phẩm chất:**

- Biết yêu thương, quan tâm những người gần gũi, xung quanh mình.

- Trân trọng những giá trị cuộc sống đem lại cho mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: máy tính, máy chiếu…

- Học liệu: video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát hình ảnh trong cuộc sống.

**b. Nội dung**:

- GV: sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

- HS: quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c. Sản phẩm:**

**-** HS nêu được tên của những chiếc lá.

- Học sinh nêu cảm nhận: hình ảnh chiếc lá là hình ảnh gần gũi, thân quen với chúng ta.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Trước khi vào nội dung chính của tiết học này, cô mời các em quan sát các hình ảnh sau và trả lời câu hỏi:  
1. Tên của các loại lá mà các em nhìn thấy trong các bức hình này?

2. Em hãy cho biết công dụng của các loại lá này?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**: chiếu hình ảnh.

**HS**:

- Nhận nhiệm vụ.

- Quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV: mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

- HS: trả lời câu hỏi 1, 2.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần).

- Kết nối vào nội dung đọc - hiểu văn bản:………..

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30’)**

**I. Trải nghiệm cùng văn bản (10 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tác giả** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về tác giả Trương Gia Hoà.  **Nội dung**:  **GV**: sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS**:chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  GVyêu cầu HS mở PHT số 1  (?)Trình bày những thông tin chính về tác giả Trương Gia Hoà?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý**:tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 1.  **HS**: mở PHT số 1, xem lại thông tin trong PHT số 1.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV**: mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1)  **HS**:  - Đại diện trình bày thông tin về tác giả Trương Gia Hoà.  - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | A person smiling with long black hair  Description automatically generated  - Trương Gia Hoà: sinh năm 1975.  - Quê: Trảng Bàng, Tây Ninh.  - Sự nghiệp sáng tác: Trương Gia Hoà xuất hiện trên văn đàn từ giữa những năm 1990 khi đang còn là sinh viên khoa Ngữ văn – Báo chí trường Đại học Khoa học, Xã hội và Nhân văn Tp. HCM. Ra trường, bà làm biên tập viên Nhà xuất bản Văn nghệ, biên tập viên báo *Sài Gòn Tiếp thị*, báo *Pháp luật*. Sau vì lý do sức khoẻ, bà làm việc tự do. Tác giả Trương Gia Hoà có nhiều thơ, tản văn, truyện ngắn in trên các báo và tạp chí. Bà là hội viên Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh.  - Tác phẩm: *Sóng sánh mẹ và anh* (thơ, 2005), *Đêm nay con có mơ không?* (tản văn, 2017), *Sài Gòn thềm xưa nắng rụng* (tản văn, 2018).  - Giải thưởng: Giải thưởng Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh với tác phẩm *Đêm nay con có mơ không?*. |
| ***Chuyển dẫn***: Văn bản “Những chiếc lá thơm tho” trích từ cuốn “Sài Gòn thềm xưa nắng rụng”. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tác phẩm** | |
| **Mục tiêu**:  - Trình bày những thông tin chính về văn bản “Những chiếc lá thơm tho”:  + Xuất xứ  + Thể loại  + Phương thức biểu đạt  + Nhân vật chính  + Ngôi kể  + Bố cục  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 2 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Yêu cầu HS mở PHT số 2.  - Chia nhóm cặp đôi theo bàn.  - Nhiệm vụ:  + Hoán đổi PHT cho nhau  + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị.  + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không?  **HS**: đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2).  **HS:**  - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.  - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | - *Xuất xứ*: trích trong cuốn tản văn “Sài Gòn thềm xưa nắng rụng”, xuất bản năm 2018.  - *Thể loại*: tản văn  - *Phương thức biểu đạt*: tự sự, miêu tả, biểu cảm  - *Ngôi kể*: ngôi thứ nhất  - *Nhân vật chính:* bà  - *Bố cục*: 3 phần  + Phần 1 (từ đầu đến *nên tôi uống thuốc hoài*): kỷ niệm tuổi thơ gắn với những chiếc lá bà bày tôi cách dùng.  + Phần 2 (tiếp theo đến *bỏ hết mọi thứ*): kỷ niệm tuổi thơ gắn với tình cảm bà dành cho ông lúc mất.  + Phần 3 (phần còn lại): suy nghĩ về bà và những chiếc lá. |
| ***Chuyển dẫn***: Qua phần tìm hiểu tác phẩm vừa rồi, các em đã biết nhân vật chính của văn bản này là người bà. Cô chắc rằng trong số các em, có không ít bạn từ nhỏ sống cùng bà. Bây giờ cô trò chúng ta sẽ cùng tác giả Trương Gia Hoà đi về một miền ký ức tươi đẹp – nơi ấy có bà và những chiếc lá “thần kỳ”. | |

**II. Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hình ảnh người bà** | |
| **Mục tiêu**:  - HS phát hiện được chi tiết về người bà.  - Hiểu và cảm nhận được hình ảnh người bà.  **Nội dung**:  **GV:** sử dụng kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.  **HS:** suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm để giải quyết yêu cầu của bài học. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **GV**:  (?) Tìm chi tiết/ từ ngữ kể, tả người bà.  (?) Cảm nhận của em về chi tiết/ từ ngữ ấy.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  **GV:** hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm chi tiết/ từ ngữ.  **HS:** hoạt động cá nhân rồi trao đổi nhóm đôi.  - Đọc SGK, tìm chi tiết/ từ ngữ.  - HS nêu cảm nhận về các chi tiết/ từ ngữ đã tìm được.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: gọi một vài nhóm trả lời.  **HS**:  - Một HS đại diện nhóm trả lời.  - Các nhóm khác nghe câu trả lời của bạn, nhận xét và bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.  - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết/ từ ngữ** | **Nhận xét** | | -Bà hay bày cho tôi cách chơi với những chiếc lá:  + lá dừa thết cào cào, chim sẻ, rết.  + lá cau kiểng làm lồng đèn.  + lá chuối đan nong mốt, nong hai.  + làm đầu trâu bằng lá xoài.  + lá dừa nước làm cái làn xách đi hái hoa, bắt bướm. | Bà là người khéo léo, có đôi bàn tay tài hoa, một phụ nữ truyền thống đảm đang. | | Nấu nồi lá xông mỗi khi cháu bệnh. | Yêu thương, quan tâm cháu hết lòng, rất mực chu đáo. | | Dùng lá tràm khuynh diệp chuẩn bị cho sự ra đi của ông. | Chu đáo, hết mực thương yêu chồng, sống tình nghĩa tới tận ngày ông ra đi | | Nhận xét:  - Nghệ thuật: kể, miêu tả; lối hành văn gần gũi, chân thực.  - Bà là một phụ nữ khéo léo, đảm đang, hết lòng thương yêu, quan tâm người thân của mình. | | |
| ***GV bình giảng: Hình ảnh người bà trong văn học Việt Nam từ xưa tới nay vẫn luôn vậy. Họ dung dị, mộc mạc, tấm thân gầy guộc, bé nhỏ nhưng mang trong mình một trái tim vĩ đại với tình yêu bao la như trời bể. Bỗng nhiên chúng ta lại nhớ đến hai bài thơ “Tiếng gà trưa” và “Bếp lửa” của hai thi sĩ Xuân Quỳnh, Bằng Việt cũng nói về những đứa trẻ may mắn được lớn lên trong vòng tay ấm áp của bà. Hạnh phúc biết bao!*** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tình cảm đối với bà** | |
| **Mục tiêu**:  - HS tìm, phát hiện được các chi tiết/ từ ngữ thể hiện tình cảm của cháu đối với bà.  - HS hiểu, nhận xét được tình cảm của cháu đối với bà.  **Nội dung**:  **GV**: GV chia nhóm 4 người.  **HS**: suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV**:  (?) Tìm chi tiết/ từ ngữ thể hiện tình cảm của cháu đối với bà.  (?) Nhận xét của em về chi tiết/ từ ngữ ấy.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  + Hoạt động cá nhân 2 phút.  + Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thành sản phẩm nhóm 5 phút.  + Cử đại diện chuẩn bị báo cáo sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau.  - Giáo viên điều hành quá trình thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập của nhóm HS.  - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.  **NV2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản?  ? Khái quát nội dung chính của văn bản?  ? Câu chuyện gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào?  Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong truyện ngắn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.  GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS:** đại diện cặp đôi báo cáo kết quả. HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp. | |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết/ từ ngữ** | **Nhận xét** | | -Bà bày cách chơi lá: lá chuối, lá dừa, lá xoài, lá cau kiểng, lá dừa nước. | Những trò chơi với lá cây bà bày thuở bé không chỉ giúp cháu có thêm sự hiểu biết về cuộc sống, trải nghiệm thú vị mà còn là bà đã cho cháu một tuổi thơ ý nghĩa, hạnh phúc, đong đầy kỷ niệm. | | -Khi cháu bệnh:  + Những chiếc lá… tôi còn nhỏ.  + Những ngày như thế… uống thuốc hoài. | Nỗi tiếc nhớ của cháu về những ngày tháng cháu được sống bên bà, được bà chăm sóc mỗi khi bệnh. | | -Tận mắt chứng kiến quá trình bà chuẩn bị lá tràm khuynh diệp cho sự ra đi của ông: + sai anh rể ra ngoài bưng hái lá tràm khuynh diệp.  + phơi lá trước sân nhà.  + Ba buổi chiều liên tục… đệm bàng to.  + Bà im lặng làm… nhìn sao buồn quá.  + sự tỉ mỉ… không dám hỏi.  + Lúc đó… hết mọi thứ. | Kính phục, ngưỡng mộ tình cảm bà dành cho ông. | | Nhận xét:  -Nghệ thuật:sử dụng động từ, tính từ khéo léo, tinh tế; yếu tố kể, biểu cảm đan xen bộc lộ tâm tư, tình cảm của nhân vật “tôi” với bà.  -Tình cảm của cháu với bà là tha thiết, sâu sắc, nồng đượm, không gì có thể thay thế được; tuổi thơ đẹp đẽ của cháu gắn liền với những hình ảnh, sự việc liên quan tới bà. | |   **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Lối hành văn tự nhiên, chân thực, gần gũi.  - Sử dụng từ ngữ khéo léo, có dụng ý.  - Các yếu tố kể, tả và biểu cảm đan cài nhuần nhuyễn, nhịp nhàng giúp dẫn dắt người đọc một cách tự nhiên theo mạch kể và mạch kể của nhân vật.  - Hình ảnh truyện đẹp, giàu ý nghĩa giúp người đọc có những liên tưởng thú vị.  **2. Nội dung**  Văn bản là những hồi ức về tuổi thơ đẹp đẽ bên cạnh bà gắn với hình ảnh chiếc lá, là tình cảm tha thiết, sâu đậm của cháu với bà.  **3. Ý nghĩa**  - Hiểu được giá trị thiêng liêng của hai tiếng “tình thân”.  - Trân trọng những ngày tháng được sống bên cạnh người thân.  - Trân trọng những việc người thân làm cho mình, dù là nhỏ nhất. |
| ***GV bình giảng: Tiết học tuy kết thúc nhưng cảm xúc đẹp đẽ về tình bà cháu trong văn bản vẫn còn mãi trong trái tim của chúng ta.*** | |

**3. Hoạt động 3: luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động**

**GV**: giao nhiệm vụ

BT1: HS tìm 5 câu tục ngữ/ bài ca dao về tình cảm gia đình.

BT2: Viết đoạn văn 5 – 10 dòng nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bà trong văn bản “Những chiếc lá thơm tho”.

**HS**: hoàn thành 2 bài tập trên lớp.

**Báo cáo, thảo luận:** mỗi bài tập GV gọi 2 HS trả lời

**Kết luận, nhận định**: GV nhận xét và sửa bài tập.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ:**

Em có vật kỷ niệm nào với người thân không? Nếu có thì hãy kể câu chuyện liên quan tới vật kỷ niệm ấy.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà.

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp.

**\* Kết luận, nhận định:**

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

**BÀI 1: NHỮNG GƯƠNG MẶT THÂN YÊU**

**Thực hành tiếng Việt**

**TỪ TƯỢNG THANH, TỪ TƯỢNG HÌNH**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**
2. ***Về năng lực:***

* Nhận biết được đặc điểm và chức năng của từ tượng thanh, từ tượng hình;
* Vận dụng từ tượng thanh, từ tượng hình trong giao tiếp cũng như trong hoạt động tạo lập văn bản.

1. ***Về phẩm chất:***

* Đoàn kết, gắn bó trong quá trình làm việc nhóm
* Thêm yêu và tự hào về tiếng Việt và có ý thức hơn trong việc sử dụng từ ngữ.

1. **THIẾT BỊ VÀ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

* Giáo viên: SGK, SGV, KHBD, phiếu học tập, bảng kiểm, laptop, …
* Học sinh: SGK, tập vở, hồ sơ học tập, …

1. **TIẾN TRÌNH**
2. ***HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:***

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Nội dung**: GV yêu cầu HS theo dõi tình huống nhóm học sinh thực hiện, chỉ ra các từ miêu tả hình ảnh và âm thanh trong cuộc đối thoại của các bạn học sinh.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh sau khi theo dõi tình huống

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: chuyển giao nhiệm vụ:** *GV mời ba, bốn học sinh đóng tình huống và đặt câu hỏi:*

* **Em hãy chỉ ra từ miêu tả hình dáng và mô phỏng âm thanh trong tình huống sau:**

**TÌNH HUỐNG GIAO TIẾP**

Trống vào lớp đã vang lên nhưng mấy học sinh vẫn còn lững thững ngoài hành lang

* Nam: Chúng mày đi nhanh lên muộn rồi mà còn đủng đỉnh thế à!
* An: Mày nói nhỏ nhỏ thôi, nói oang oang thế cho sao đỏ nó ghi tên à!

**B2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ**

**B3: Học sinh báo cáo sản phẩm**

**B4: GV nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu có)**

1. ***Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC***
2. **Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của từ tượng thanh, từ tượng hình;

- Vận dụng từ tượng thanh, từ tượng hình trong giao tiếp cũng như trong hoạt động tạo lập văn bản.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu học sinh thực hiện phiếu học tập số 1 theo nhóm

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập hoàn thiện của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Tri thức tiếng Việt**  **(Sử dụng mô hình lớp học đảo ngược)**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv yêu cầu học sinh đọc bài và hoàn thành phiếu bài tập ở nhà  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs thực hiện nhiệm vụ ở nhà  - Thảo luận nhóm tại lớp  **B3: Báo cáo sản phẩm**  Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình  **B4: Đánh giá, nhận xét**  - Gv theo dõi phần trình bày của học sinh  - Gv đánh giá, bổ sung nếu có | **I. Tri thức tiếng Việt: Từ tượng thanh, từ tượng hình:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1: Từ tượng thanh, từ tượng hình** | | | | | | ***Khái niệm*** | | ***Ví dụ (BT 2)*** | | **Tác dụng** | | **Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật.** | Lom khom, thướt tha, uyển chuyển, lon ton, hấp tấp, vội vã, ... | | - Từ tượng hình và từ tượng thanh có giá trị gợi cảm cao;  - Có tác dụng gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, âm thanh một cách sinh động, cụ thể;  - Thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và lời ăn tiếng nói hàng ngày. | | | **Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế** | Ù ù, tí tách, lộp độp, ào ào, vun vút, đì đùng, … | | |

1. ***Hoạt động 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT***
2. **Mục tiêu:**

Học sinh thực hiện bài tập để củng cố kiến thức về từ tượng thanh, từ tượng hình.

1. **Nội dung thực hiện:** học sinh làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm tại lớp
2. **Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của học sinh, sản phẩm nhóm
3. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bài tập 1.**  **Thảo luận nhóm đôi**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv yêu cầu hs hoàn thiện phiếu bài tập.  - Thảo luận nhóm và trình bày sản phẩm tại lớp  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs thực hiện nhiệm vụ ở nhà  - Thảo luận nhóm tại lớp  **B3: Báo cáo sản phẩm**  Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình  **B4: Đánh giá, nhận xét**  - Gv theo dõi phần trình bày của học sinh  - Gv đánh giá, bổ sung nếu có | **II. Thực hành:**   1. **Bài tập 1:**  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ví dụ** | **Từ tượng thanh** | **Từ tượng hình** | **Tác dụng** | | **a** | **Chòng chành** |  | Gợi tả hình ảnh nghiêng qua nghiêng lại của nhịp võng đưa, giúp ta hình dung rõ ràng từng nhịp võng đưa; | | **b** |  | **Thập thình** | Mô phỏng âm thanh tiếng chày giã gạo, giúp người đọc hình dung rõ hơn về sự vất vả, nhọc nhằn của mẹ. | | **c** | **Nghênh ngang** |  | Gợi tả dáng vẻ, điệu bộ kiêu căng, hợm hĩnh không kiêng nể, không sợ ai của “ếch” | | **Ồm ộp** | Mô phỏng âm thanh tiếng kêu của ếch | | **d** |  | **Phanh phách** | Mô phỏng âm thanh được tạo ra giữa những chiếc vuốt của Dế Mèn và các ngọn cỏ; giúp người đọc hình dung rõ hơn về sức mạnh và sự kiêu hãnh của Dế Mèn. |  1. **Bài tập 2: tham khảo phần tri thức Tiếng Việt** |
| **Bài tập 3: Tìm từ tượng thanh, tượng hình phù hợp điền vào chỗ trống**  **(sử dụng kĩ thuật tia chớp)**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ:**  Hs đọc đề bài, làm việc cá nhân trong vòng 1 phút  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo sản phẩm**  Gv gọi hs trả lời, hs khác theo dõi và góp ý  **B4: Gv nhận xét, góp ý** | 1. **Bài tập 3:**  |  |  | | --- | --- | | **Ví dụ** | **Từ cần điền** | | **a** | **Rả rích** | | **b** | **Khẳng khiu** | | **c** | **Rỉ rả** | | **d** | **Chi chít** | | **đ** | **Nhấp nhô/ trùng điệp** | |
| **Bài tập 4:**  **Thảo luận nhóm đôi trong vòng 3 phút**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv giao nhiệm vụ cho học sinh: Tìm những ví dụ có chứa từ tượng thanh, từ tượng hình  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * Hs làm việc cá nhân trong vòng 2 phút * Hs làm việc nhóm trong vòng 1 phút   **B3: Báo cáo sản phẩm**  Gv mời đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác theo dõi, bổ sung  **B4: Gv nhận xét, đánh giá, bổ sung (nếu có)** | 1. **Bài tập 4:**  |  |  | | --- | --- | | **Ví dụ** | **Tác dụng** | | Chú bé loắt choắt  Cái sắc xinh xinh  Cái chân thoăn thoắt  Cái đầu nghênh nghênh  (*Lượm* – Tố Hữu) | Các từ tượng hình: loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh đã làm nổi bật hình dáng nhỏ bé, nhanh nhẹn; sự hồn nhiên, vui tươi của chú bé Lượm | | Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã.  (*Dế Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài) | Từ tượng thanh: phành phạch góp phần thể hiện sự khỏe mạnh của Dế Mèn | |
| **Bài tập 5: phân tích nét độc đáo trong các kết hợp từ in đậm**  **(Hoạt động nhóm lớn**  **Kĩ thuật công đoạn)**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv yêu cầu các nhóm làm việc trên phiếu học tập  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * Hs làm việc cá nhân ở nhà * Thảo luận nhóm tại lớp   **B3: Báo cáo sản phẩm**  Gv mời mỗi nhóm trình bày một phần  **B4: Gv nhận xét, đánh giá sản phẩm của học sinh** | 1. **Bài tập 5:**  |  |  | | --- | --- | | **Kết hợp từ** | **Tác dụng** | | 1. Lời ru vấn vít | Lời ru là từ chỉ âm thanh; vấn vít là từ gợi hình ảnh. Lời ru vấn vít là cách kết hợp từ độc đáo làm cho âm thanh lời ru trở nên vô cùng sinh động, cụ thể trong tâm trí người đọc => sự gần gũi, quấn quýt. | | 1. Lúa mềm xao xác | Lúa mềm” là từ gợi tả hình ảnh, không kết hợp được với từ “xao xác” – từ miêu tả âm thanh. Cách kết hợp từ “lúa mềm xao xác” => mới lạ, độc đáo, góp phần thể hiện rõ tâm trạng của nhân vật trữ tình. | | 1. Nghe dập dờn sóng lúa | “dập dờn” – từ tượng hình gợi tả sự chuyển động nhịp nhàng lúc lên lúc xuống lúc ẩn lúc hiên, lúc gần lúc xa. Cụm từ “dập dờn sóng lúa” kết hợp với từ “nghe” – từ miều tả âm thanh  => Sự diễn đạt trở nên độc đáo mới lạ -> Người đọc không chỉ hình dung được sự chuyển động mà còn cảm nhận được âm thanh của sự chuyển động ấy. | |

1. ***Hoạt động 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG***

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để: viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) kể lại kỉ niệm đáng nhớ của em trong mùa hè vừa qua. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một từ tượng hình hoặc một từ tượng thanh.

**c. Sản phẩm học tập**: đoạn văn của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Vận dụng vào viết một đoạn văn ngắn:**  **Hình thức: Làm việc cá nhân**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) kể lại kỉ niệm đáng nhớ của em trong mùa hè vừa qua. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một từ tượng hình hoặc một từ tượng thanh.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ , viết đoạn văn  - Giáo viên quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn  Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá kết quả**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và cho điểm HS. | **Đoạn văn của học sinh cần đảm bảo các yêu cầu:**   * Kiểu bài: tự sự * Nội dung: Kể về kỉ niệm đáng nhớ trong kì nghỉ hè vừa qua * Dung lượng: 200 chữ * Yêu cầu: một từ tượng thanh hoặc một từ tượng hình |

**Đoạn văn tham khảo**

Kì nghỉ hè vừa qua, em được về quê thăm ông bà ngoại. Quê em ở Hà Nam, vùng quê có rất nhiều cảnh đẹp. Những cánh đồng bát ngát trải dài đến tận chân đê. Nhưng lúc em về thì những cánh đồng vừa mới thu hoạch xong chỉ còn trơ lại những gốc rạ. Vào buổi chiều, từng đàn chim lại rủ nhau sà xuống để kiếm tìm những hạt thóc còn rơi vãi trên cánh đồng hay những con sâu còn đang ẩn nấp trong những gốc rạ. Vừa kiếm mồi, chúng vừa trò chuyện với nhau qua những tiếng kêu tục tục, tích tích, … Gần nhà ông bà còn có một dòng sông trong xanh với những hàng tre nghiêng nghiêng mình soi bóng. Trên dòng sông, những khóm hoa lục bình lững lờ trôi theo dòng nước thật yên bình biết bao. Vui nhất, vào những buổi chiều, em cùng ba người em của mình lại được ra sông tắm cùng các bạn trong xóm. Các bạn nhỏ ở quê bơi rất giỏi còn anh em chúng em vì chưa quen nên phải mặc áo phao thì mới được tắm cùng các bạn. Những ngày hè được chơi ở quê thật vui, thật thỏa mái. Nhưng thật tiếc mỗi năm em chỉ được về quê một lần để thăm ông bà. Em mong ông bà sẽ mãi mạnh khỏe để mỗi năm anh em chúng em lại được về quê thăm ông bà, được vui chơi, được hòa mình vào với thiên nhiên quê nhà.

**Hướng dẫn về nhà**

* HS hoàn thiện các bài tập phần Thực hành Tiếng Việt.
* Đọc và soạn bài “Chái bếp” của Lý Hữu Lương

**PHỤ LỤC**

**PHIẾU HỌC TẬP 1 – TRI THỨC TIẾNG VIỆT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khái niệm** | **Ví dụ** | **Tác dụng** |
| **Từ tượng thanh:**  **……………………**  **……………………**  **…………………….** | **……………………….**  **………………………**  **……………………….**  **……………………….** | **…………………………………….**  **…………………………………….**  **…………………………………….**  **……………………………………..**  **…………………………………….**  **…………………………………….**  **…………………………………….** |
| **Từ tượng hình:**  **…………………….**  **…………………….** | **………………………**  **………………………**  **………………………** |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 (BT 1)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | **Từ tượng hình** | **Từ tượng thanh** | **Tác dụng** |
| **a** |  |  |  |
| **b** |  |  |  |
| **c** |  |  |  |
| **d** |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 (BT 4)**

|  |  |
| --- | --- |
| Ví dụ | Tác dụng |
|  |  |
|  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 (BT5)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kết hợp từ | Tác dụng |
| Vấn vít dây trầu |  |
| Lúa mềm xao xác |  |
| Nghe dập dờn sóng lúa |  |

**BÀI 1: NHỮNG GƯƠNG MẶT THÂN YÊU**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: CHÁI BẾP**

***(Lý Hữu Lương)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

‒ Nhắc lại các yếu tố cơ bản của thơ sáu chữ, bảy chữ: bố cục, cảm hứng chủ đạo, vần, nhịp…

‒ Nhận biết đặc điểm thơ sáu chữ, bảy chữ trong văn bản *Con muốn làm một cái cây*, rèn luyện khả năng tưởng tượng để cảm nhận thơ sáu chữ, bảy chữ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

‒ Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác…

**b. Năng lực chuyên biệt:**

‒Nhận biết được đặc điểm thơ sáu chữ, bảy chữ.

‒ Phân tích được bố cục, cảm hứng chủ đạo, vần, nhịp… của thơ sáu chữ, bảy chữ.

‒ Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra.

**3. Phẩm chất**

‒ Tích cực, chủ động, sáng tạo trong giờ học.

‒ Biết yêu thương gia đình và quê hương.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

‒ Máy chiếu, laptop, micro.

‒ Bảng phụ, giấy dán.

**2. Học liệu**

‒ Sách giáo khoa, sách giáo viên.

‒ Kế hoạch bài dạy dạng word và powerpoint.

**C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

*a) Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho học sinh, kích thích sự tìm tòi khám phá, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

*b) Nội dung:* Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi “Bingo”, ôn lại kiến thức về thơ sáu chữ, bảy chữ và dẫn vào bài mới.

*c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh.

*d) Tổ chức hoạt động:*

‒ Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: học sinh lắng nghe gợi ý và đánh dấu X và ô tương ứng với từ khóa mà mình cho là đúng.

‒ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ trả lời những câu hỏi, đánh dấu X và ô tương ứng với từ khóa mà mình cho là đúng. Học sinh nào có 3 đáp án đúng liên tiếp theo đường chéo hoặc ngang, hoặc dọc sớm nhất thì được cộng điểm.

‒ Bước 3. Báo cáo kết quả: Phiếu Bingo của học sinh.

‒ Bước 4. Đánh giá, kết luận: Giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

***Giáo viên dẫn vào bài:*** *Trên đây là những từ khóa về thơ sáu chữ, bảy chữ mà chúng ta đã được học. Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu những nét độc đáo ấy với văn bản “Chái bếp” nhé!*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

*a) Mục tiêu:* Giúp học sinh tìm hiểu thông tin khái quát về tác giả và tác phẩm.

*b) Nội dung:* Học sinh trinh bày thông tin về tác giả, tác phẩm đã tìm hiểu được ở nhà.

*c) Sản phẩm:* Phần trình bày của học sinh khái quát về tác giả, tác phẩm.

*d) Tổ chức hoạt động:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ‒ Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu học sinh trình bày thông tin về tác giả, tác phẩm thu thập được.  ‒ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ thông tin tìm được.  ‒ Bước 3. Báo cáo kết quả: Thông tin về tác giả, tác phẩm. (Dự kiến sản phẩm: chú trọng thông tin cốt lõi)  ‒ Bước 4. Đánh giá, kết luận: Giáo viên nhận xét, chốt lại kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  ‒ Lý Hữu Lương sinh năm 1988 tại Yên Bái, dân tộc Dao.  ‒ Ông tốt nghiệp trường Sĩ quan Chính trị Bắc Ninh về công tác tại Quân khu 2 và là Biên tập viên thơ cho Tạp chí Văn nghệ Quân đội từ năm 2014 đến nay.  ‒ Phong cách sáng tác mộc mạc, sử dụng nhiều phương ngữ đậm nét quê hương vùng cao.  ‒ Tác phẩm tiêu biểu: Cô San (2013), trường ca Bình nguyên đỏ (2016), Mùa biển lặng (2020)... Lý Hữu Lương được trao Giải thưởng Tác giả trẻ lần thứ Nhất năm 2021.  **2. Tác phẩm**  ‒ *Chái bếp* in trong *Yao* (2021)  ‒ Bố cục:  + Khổ 1: hình ảnh chái bếp hiện ra trong tâm tưởng của tác giả.  + Khổ 2, 3 , 4: nhắc nhớ hình ảnh gần gũi, mộc mạc của quê nhà.  + Khổ 5: khao khát trở về nơi chái bếp có những người thân yêu. |

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**1. Đọc văn bản**

*a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức về thơ sáu chữ, bảy chữ để hoàn thành những nhiệm vụ ở phần Hướng dẫn đọc.

*b) Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc văn bản và hoàn thành các câu hỏi.

*c) Sản phẩm:* Phần trả lời của học sinh.

*d) Tổ chức hoạt động:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  ‒ Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc văn bản: đọc kĩ từng phần của văn bản to, rõ, chậm rãi phù hợp với nhịp cảm xúc của văn bản; chú ý các câu chỉ dẫn trong quá trình đọc.  ‒ Học sinh đọc và giải thích từ khó.  ‒ Học sinh trình bày phần làm nhóm của mình ở nhà theo thứ tự 4 câu hỏi của phần hướng dẫn đọc.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  ‒ Học sinh đọc văn bản và giải thích từ khó.  ‒ Học sinh dựa vào phẩn chuẩn bị nhóm trước lớp.  **Bước 3. Báo cáo kết quả:** sản phẩm đọc và phần trả lời của học sinh.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận:** giáo viên nhận xét về kết quả đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Hình ảnh “chái bếp” trong tâm tưởng của tác giả**  ‒ Hình ảnh “chái bếp” hiện lên với ngọn khói lập lờ qua nồi cám của mẹ.  ‒ Chái bếp hiện lên với nhiều hình ảnh và âm thanh sống động: cánh nỏ cong hình lưỡi hái, chái bếp thõng mình..., cha gọi tên, xình xịch mưa... → Hình ảnh chái bếp hiện lên sống động và cụ thể như chưa từng phai nhòa trong tâm trí của tác giả.  ‒ Phép nhân hóa và điệp ngữ “cho tôi về” giúp người đọc cảm nhận đươc tình yêu của tác giả dành cho căn bếp thân thương.  **2. Khao khát trở về “chái bếp” những người thân yêu**  ‒ Tác giả miêu tả chái bếp từ trong ra ngoài theo không gian và thời gian khiến cho căn chái bếp hiện lên mộc mạc, giản dị.  ‒ Điệp từ “cho” xuất hiện nhiều lần như muốn nhấn mạnh niềm nhớ nhung da diết của tác giả dành cho chái bếp nhà mình.  → Bài thơ là tình cảm thắm thiết từng hình ảnh về ngọn khói lập lờ, có thần bếp, có hình ảnh tiếng khóc cười và cả bầu trời tuổi thơ của tác giả bên chái bếp.  **3. Chủ đề:**  ‒ Nỗi nhớ thương của tác giả với chái bếp, với ngôi nhà và quê hương.  ‒ Cơ sở xác định: cụm từ “chái bếp” được lặp lại 7 lần. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

*a) Mục tiêu:* Củng cố kiến thức về văn bản

*b) Nội dung:* Sử dụng sách giáo khoa, kiến thức đã học để trả lời những câu hỏi ngắn trong trò chơi “Hái hoa”

*c) Sản phẩm:* Câu trả lời miệng của học sinh

*d) Tổ chức hoạt động:*

‒ Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu học sinh chọn một câu hỏi bất kì và trả lời câu hỏi tương ứng?

‒ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh chọn hoa, đọc câu hỏi ngắn tương ứng và trả lời. Những học sinh khác lắng nghe, bổ sung hoặc sửa chữa (nếu có).

‒ Bước 3. Báo cáo kết quả: Câu trả lời của học sinh.

+ Chái bếp của người Dao có chức năng gì? → *Sưởi ấm, nấu nướng*

+ Mạch cảm xúc của bài thơ Chái bếp là gì? → *Nhớ chái bếp và những hình ảnh thân thương của tuổi thơ*

+ Hình ảnh chái bếp trong kí ức của tác giả gắn với người thân nào? → *Cha, mẹ*

+ Khi nhớ về chái bếp, tác giả mong muốn điều gì? → *Trở về chái bếp nhà mình*

+ Vì sao tác giả lại mong muốn được trở về chái bếp nhà mình? → *Chái bếp gắn với người thân, gia đình và kỉ niệm tuổi thơ*

‒ Bước 4. Đánh giá, kết luận: Giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh, chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

*a) Mục tiêu:* Giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống, nuôi dưỡng tâm hồn của học sinh.

*b) Nội dung:* Vẽ tranh, làm thơ về không gian trong gia đình/quê hương gợi cho em nhiều kí ức nhất.

*c) Sản phẩm:* Tranh vẽ hoặc thơ của học sinh.

*d) Tổ chức hoạt động:*

‒ Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu học sinh vẽ tranh, làm thơ về không gian trong gia đình/quê hương gợi cho em nhiều kí ức nhất.

‒ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà và trình bày sản phẩm ở tiết luyện tập.

‒ Bước 3. Báo cáo kết quả: Tranh vẽ, đoạn thơ – bài thơ về không gian trong gia đình/quê hương gợi cho em nhiều kí ức nhất.

‒ Bước 4. Đánh giá, kết luận: Giáo viên đánh giá sản phẩm của học sinh ở tiết luyện tập.

**BÀI 1**

**NHỮNG GƯƠNG MẶT THÂN YÊU**

**VIẾT**

**LÀM MỘT BÀI THƠ SÁU CHỮ HOẶC BẢY CHỮ**

*(2 tiết)*

1. **MỤC TIÊU DẠY HỌC**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. **Về kiến thức**

* Đặc điểm của một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.
* Cách làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.

1. **Năng lực**

* Bước đầu biết làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.
* Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
* Năng lực hợp tác: có khả năng kết nối, làm việc theo nhóm để giải quyết các vấn đề học tập.
* Năng lực sáng tạo: Hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho.

1. **Phẩm chất:** Yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu thơ văn.
2. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Máy chiếu (hoặc bảng phụ, tranh ảnh,...)
* SGK, SGV.
* PHT tìm ý tưởng cho bài thơ.

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**
2. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**
3. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
4. **Nội dung:** GV yêu cầu HS lắng nghe phần giải thích của GV và tham gia trò chơi.
5. **Sản phẩm:** Câu trả lời được thể hiện ở hành động của học sinh.
6. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong trò chơi “Vòng quay may mắn” để củng cố kiến thức về cách làm một bài thơ.  *Câu 1: Ngoài vần lưng và vần chân đã học ở lớp 7, vần trong thơ còn được phân loại thành:*  A. Vần liền C. Cả 2 đều sai  B. Vần cách ***D. Cả 2 đều đúng***  *Câu 2: Thơ sáu chữ là:*  ***A. Là thể thơ mà mỗi dòng thơ có sáu chữ.***  B. Là thể thơ có sáu câu thơ trong một bài thơ.  C. Là thể thơ có 6 khổ thơ.  D. Là thể thơ có 6 đoạn thơ.  Câu 3: *Bố cục của bài thơ là:*  ***A. sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định.***  B. sự tổ chức các đoạn thơ theo một trình tự nhất định.  C. sự sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định.  D. sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn văn theo một trình tự nhất định.  *Câu 4: Em hiểu thế nào là vần liền?*  A. Là vần được gieo vào cuối dòng thơ.  ***B. Là tiếng cuối của 2 dòng thơ liên tiếp vần với nhau.***  C. Là vần gieo ngắt quãng  D. Là vần gieo ở đầu câu thơ.  *Câu 5: Điền từ vào chỗ trống sau: Mạch cảm xúc của bài thơ là ..., sự vận động của cảm xúc trong bài thơ.*  A. sự liên kết  B. sự kết nối  C. sự tuần hoàn  ***D. sự tiếp nối***  *Câu 6: Em hiểu thế nào là vần cách?*  A. Là vần được gieo vào cuối dòng thơ.  B. Là vần được gieo ở giữa dòng thơ  ***C. Là vần gieo ngắt quãng ở cuối câu thơ.***  D. Là vần của các bài thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS làm việc cá nhân.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức theo từng vấn đề.  - GV dẫn dắt vào bài học mới  *(Trong bài học này, HS sẽ làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.)* | Câu 1: D  Câu 2: A  Câu 3: A  Câu 4: B  Câu 5: D  Câu 6: C |

1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**
2. **Hoạt động củng cố kiến thức nền**
3. **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức nền về đặc điểm của một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ đã học trong chương trình lớp 8.
4. **Nội dung:** GV dùng kĩ thuật động não, HS suy nghĩ và trả lời.
5. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trình bày hiểu biết nền về một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.
6. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng kĩ thuật động não, GV đưa ra câu hỏi: *Em hãy dựa vào những kiến thức đã học khi làm một bài thơ 4 chữ, 5 chữ ở lớp 7 và cho biết khi làm một bài thơ chúng ta cần lưu ý những điều gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày ý kiến, các bạn khác góp ý, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Dựa trên câu trả lời của HS, GV nhận xét ý kiến của HS, nhắc lại một số đặc điểm về thể thơ và giới thiệu hoạt động viết. | **\* Một số điểm cần lưu ý khi làm một bài thơ:**  - Thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận … của người viết về một sự vật, hiện tượng trong cuộc sống.  - Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp để thể hiện cách nhìn, cảm xúc của bản thân về cuộc sống.  - Sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp để tạo nên những liên tưởng độc đáo, thú vị.  - Gieo vần, ngắt nhịp một cách hợp lý để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.  - Đặt nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.  - Đảm bảo đủ số chữ ở các dòng thơ theo yêu cầu của thể loại. |

1. **Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**
2. **Mục tiêu:** Nhận biết các yêu cầu về việc làm một bài thơ thông qua việc đọc và phân tích VB mẫu ***(GV tìm và đưa vào bài)***
3. **Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi về đặc điểm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ vào PHT số 1.
4. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đặc điểm thơ sáu chữ, bảy chữ thể hiện qua VB “Thế giới năm qua” (Lương Ngọc Tuấn). Nội dung bài học rút ra về đặc điểm thơ và câu hỏi cần giải đáp.
5. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV trình bày bài thơ “Thế giới năm qua” lên bảng chiếu, rồi đưa ra hệ thống câu hỏi, tổ chức lớp thảo luận nhóm để trả lời những câu hỏi sau: ***(HS trả lời vào PHT số 1)***   1. *Bài thơ được viết theo thể thơ nào?* 2. *Để miêu tả được bức tranh sống động của thế giới trong một năm qua, tác giả đã dùng những hình ảnh và các biện pháp nghệ thuật nào?* 3. *Vì sao khi sáng tác thơ, văn, cần sử dụng biện pháp nhân hóa, so sánh để miêu tả sự vật, hiện tượng?* 4. *Làm thơ không phải là chỉ miêu tả sự vật, hiện tượng mà còn phải thể hiện cảm xúc mới lạ, thú vị về cuộc sống. Bài thơ đã đáp ứng được yêu cầu này hay chưa? Vì sao?* 5. *Trong bài thơ này, tác giả đã sử dụng những loại vần nào?* 6. *Từ cách viết của tác giả trong bài thơ trên, em học được điều gì về cách làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ?*   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc VB mẫu, theo dõi các thông tin trong khung hướng dẫn, thảo luận nhóm và tìm câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích văn bản.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Một số HS đại diện nhóm,trình bày trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu có).  - HS nêu câu hỏi thắc mắc (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề theo định hướng tham khảo. | \* **Hướng dẫn phân tích văn bản mẫu**  **1. Về đặc điểm thể loại**   * Về số tiếng: Mỗi câu thơ có 7 tiếng => thơ 7 chữ. * Bài thơ có 2 khổ thơ, mỗi khổ thơ gồm 4 dòng. * Nhịp thơ: 4/3; 2/2/3. * Vần liền: ương – phương   tranh – mạnh – nhanh   * Vần cách: mãi – lại   => Sử dụng vần nhịp một cách hợp lý làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.  **2. Về nghệ thuật**   * Hình ảnh: chiến tranh, khủng bố, thiên tai, dịch bệnh, tang tóc, đoàn kết, nắm tay, tình thương, chia sẻ, …   => hình ảnh gợi cảm, sinh động, thể hiện sự liên tưởng bất ngờ thú vị.   * Biện pháp nghệ thuật: từ láy, so sánh, ẩn dụ   => thể hiện sự sống động của thiên nhiên.  **3. Về nội dung**   * Bài thơ thể hiện cảm xúc của tác giả trước những biến cố mà thế giới phải gánh chịu và cách mà chúng ta vượt qua nó. |

1. **Hoạt động hướng dẫn quy trình viết**
2. **Mục tiêu**:

* Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.
* Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

1. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và làm được một bài thơ sáu chữ, bảy chữ theo quy trình.
2. **Sản phẩm:** Bảng tóm tắt của HS (theo mẫu PHT)
3. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| * **Nhiệm vụ 1: Trước khi viết**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc phần hướng dẫn quy trình viết trong SGK/tr.22 - 23, sau đó thảo luận nhóm và tóm tắt thông tin quy trình làm một bài thơ.  - GV hướng dẫn tìm hiểu bước Trước khi viết bằng các câu hỏi:  + Bài thơ này được viết nhằm mục đích gì?  + Người đọc bài thơ của em có thể là ai?  + Em định viết về đề tài gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày trước lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá.   * **Nhiệm vụ 2, 3: Tìm ý tưởng cho bài thơ và Làm thơ**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  (1) Từ đề tài đã xác định, GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài thơ bằng cách điền vào PHT 2  (2) Sau khi HS đã hoàn thành xong PHT, GV thể hiện các ý tưởng lần lượt thành các dòng thơ theo chỉ dẫn của bước 3 trong SGK. GV yêu câu HS viết tối thiểu 1 khổ thơ gồm 4 dòng (sáu chữ hoặc bảy chữ).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Với (1): HS thực hiện tại lớp.  - Với (2): HS thực hiện tại nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS chuẩn bị trình bày bài thơ theo hình thức cặp đôi/ nhóm 4-6 HS hoặc trước tập thể lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS trong thời gian viết do GV quy định.  \* Lưu ý: GV chưa nên đánh giá, nhận xét công khai trước lớp về sản phẩm bài viết của HS. Việc này nên được thực hiện sau khi tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau và chỉnh sửa bài viết của mình.   * **Nhiệm vụ 4: Chỉnh sửa và chia sẻ**   (1) GV yêu cầu HS dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.23 để tự kiểm tra, đánh giá lại bài thơ của mình.  (2) Sau khi hoàn thành việc tự chỉnh sửa, GV có thể mời một số HS đọc bài thơ của mình trước lớp và mời các HS khác nhận xét.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ (1) và (2).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đối với nhiệm vụ (2), một số HS đọc bài thơ của mình trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ, nhận xét về bài thơ của bạn (dựa trên bảng kiểm).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá và nhận xét. | **\* Quy trình viết gồm bốn bước:**  Bước 1: Trước khi viết  **+ Đối tượng:** người đọc là những người quan tâm đến thơ ca. Đặc biệt là những bài thơ về cuộc sống  **+ Mục đích:** chia sẻ cảm xúc của mình về một sự vật, hiện tượng hoặc cuộc sống với người đọc.  **+ Đề tài:** là một bài thơ 6 chữ hoặc 7 chữ thể hiện cảm xúc của em về một sự vật, hiện tượng của cuộc sống.  Bước 2: Tìm ý tưởng cho bài thơ  Bước 3: Làm thơ  Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ. |

1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG (Thực hiện tại nhà)**
2. **Mục tiêu**: Vận dụng được quy trình làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ vào việc làm thơ. Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
3. **Nội dung:** HS hoàn thiện bài thơ của cá nhân và công bố.
4. **Sản phẩm**: Bài thơ đã được công bố của HS.
5. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Từ bài thơ đã hoàn thành trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau và hoàn thành:  (1) Sửa bài thơ cho hoàn chỉnh và công bố.  (2) Chọn một đề tài khác để viết bài thơ mới và công bố.  Sau khi công bố bài thơ, HS tham gia bình chọn bài thơ hay nhất của lớp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS về nhà thực hiện một trong hai nhiệm vụ trên và công bố bài thơ. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang zalo hoặc bảng tin học tập của lớp, …  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Trước tiên, HS công bố một trong hai sản phẩm được giao trên trang zalo hoặc bảng tin của lớp.  - HS tham gia bình chọn bài thơ hay nhất của lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập.  - GV công bố kết quả bình chọn bài thơ hay nhất của lớp. | **\* Sản phẩm**: Bài thơ đã được công bố của HS.  GV có thể làm một góc treo các bài thơ của HS ở cuối lớp để các bạn xem và bình chọn (hoặc HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang zalo của lớp,…) |

1. **HỒ SƠ DẠY HỌC**

**A picture containing text, screenshot, human face

Description automatically generatedA picture containing text, cartoon, screenshot

Description automatically generated**

Ngày soạn:………………………..

Ngày dạy:……………………………

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ TỰ DO**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ; trình bày được cảm xúc về một bài thơ tự do

- Nhận biết hình thức, nội dung của đoạn văn

- Biết cách phân tích văn bản mẫu

- Nhận biết được quy trình viết

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Yêu vẻ đẹp của thơ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu văn bản (đoạn văn) ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS:

- *Trong bài 1 (****Những gương mặt thân yêu****), chúng ta đã học những bài thơ nào? Em thích bài nào nhất? Vì sao?*

*- Để chia sẻ những suy nghĩ ,cảm xúc đó em thường làm cách nào ?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá và chuyển sang bài mới.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ tự do

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ tự do

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận, điền vào phiếu học tập về đặc điểm đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ tự do :  **A picture containing text, font, screenshot, line  Description automatically generated**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV yêu cầu, đọc kiến thức trong SGK và hoàn thành phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS trình bày bài làm của mình trước lớp, cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức . | **I. Tìm hiểu tri thức kiểu bài**  A picture containing text, screenshot, font, receipt  Description automatically generated |

**Hoạt động 2: Phân tích kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm của kiểu văn bản đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do qua việc phân tích văn bản mẫu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về văn bản mẫu.

**c. Sản phẩm học tập:** Kiến thức HS nắm được về đặc điểm của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do sau khi trả lời các câu hỏi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát đoạn văn, quan sát các câu được đánh số.  - GV mời HS đọc đoạn văn trước lớp yêu cầu cả lớp đọc thầm theo.  *A picture containing text, font, receipt, screenshot  Description automatically generated*- GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi liên quan đến đoạn văn mẫu ghi lại cảm xúc về bài thơ “ Lời con ”:  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc đoạn văn và thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm còn lại theo dõi và bổ sung ( nếu có )  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Phân tích kiểu văn bản**  A picture containing text, screenshot, font, number  Description automatically generated |

**Hoạt động 3: Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các thao tác cần làm và viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được đoạn văn theo quy trình.

**c. Sản phẩm học tập:** bảng tóm tắt của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị trước khi viết**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Hs đọc đề bài trong sgk / 25  GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm đôi để trả lời các câu hỏi sau:  - *Trước khi viết, em hãy xác định:*  *+ Thế nào là thể thơ tự do?*  *+ Đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về một bài thơ tự do có đặc điểm gì về hình thức và nội dung ?*  *+ Mục đích bài viết này là gì?*  *+ Người đọc bài này có thể là ai?*  *+ Với mục đích và người đọc đó, em sẽ lựa chọn nội dung và cách viết như thế nào?*  *- Qua đó, xác định các thao tác cần làm ở bước : Chuẩn bị trước khi viết và điền vào phiếu học tập.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt:  + Mục đích của bài viết: trình bày cảm xúc về một bài thơ tự do  + Người đọc: thầy cô giáo, bạn bè…  🡪 Với mục đích và người đọc đó, chúng ta có thể lựa chọn nội dung và cách viết theo cách phối hợp, song song phân tích nội dung, sau đó là nghệ thuật của bài thơ.  + Xác định đề tài: thiên nhiên, gia đình, mái trường…  **Nhiệm vụ 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV mời 2 HS đọc ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý*** trong SGK (1 bạn đọc phần Tìm ý, 1 bạn đọc phần lập dàn ý).  - HS hoàn thành phiếu học tập ở bước 2 sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để góp ý cho nhau.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin về ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý*** trong SGK, sau đó hoàn thiện nội dung bước 2 ở phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:Viết đoạn hoàn chỉnh**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS viết bài. Và sử dụng bảng kiểm sgk 26 và 27 để tự kiểm tra lại bài của mình.  GV nhắc HS: *Cần bám vào dàn ý đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS trong thời gian viết do GV quy định và chốt nội dung trong phiếu học tập  **Nhiệm vụ 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trao đổi bài viết cho nhau theo nhóm đôi và dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.26 và 27 để đánh giá, nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi bài viết cho nhau và nhận xét dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.26 và 27.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Một số HS đọc bài viết trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ, nhận xét về bài viết của bạn (dựa trên bảng kiểm).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:  (1) Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.  (2) Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu khuyết điểm của mình và các bạn hay không?)  Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét.  - Gv chốt các bước ở nhiệm 4 để học sinh hoàn thiện phiếu học tập | **III. Hướng dẫn quy trình viết**  A picture containing text, screenshot, font, number  Description automatically generated |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được đặc điểm của kiểu văn bản đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do qua việc phân tích văn bản mẫu.

- Biết chủ động , tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập

**b. Sản phẩm:** Đoạn văn được công bố của học sinh

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ ( có thể thực hiện ở nhà ):  (1) Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.  (2) Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do khác.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS về nhà thực hiện một trong hai nhiệm vụ trên và công bố bài viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, …  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa và viết lại lần 2 ( nộp kèm với bản viết lần 1 để thấy rõ sự chỉnh sửa )  - Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do đã chọn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét về thái độ tích cực, chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh  - Gv nhận xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh: đánh giá sự tiến bộ về mặt kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do so với lần viết thứ nhất | **-** Bài viết đã được công bố của HS. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, … |

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập phần I: Tìm hiểu tri thức kiểu bài

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do** | | | |
| **Khái niệm** |  | | |
| **Yêu cầu với**  **kiểu bài** | **Nội dung** |  | |
| **Cấu trúc** | Mở đoạn |  |
| Thân đoạn |  |
| Kết đoạn |  |

- Phiếu học tập phần II: Phân tích kiểu văn bản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về bài thơ “ Lời con”** | | |
| **Nội dung yêu cầu** | | **Nội dung thể hiện** |
| 1. Để chia sẻ tình cảm, tác giả sử dụng ngôi thứ mấy ? | |  |
| 2. Xác định câu chủ đề | Câu chủ đề |  |
| Câu kết đoạn |  |
| 3. Tóm tắt phần thân đoạn | |  |
| 4. Cảm xúc và suy nghĩ được thể hiện như thế nào trong đoạn văn ? | |  |
| 5. Cảm nghĩ của người viết được thể hiện qua những câu văn nào ? | |  |
| 6. Các phép liên kết được sử dụng trong đọan văn: | |  |

- Phiếu học tập phần III: Hướng dẫn quy trình viết

|  |  |
| --- | --- |
| **QUY TRÌNH VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC**  **SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ TỰ DO** | |
| **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** |
| Bước 1:  Chuẩn bị trước khi viết |  |
| Bước 2:  Tìm ý và lập dàn ý | \*/ Tìm ý:  Đọc diễn cảm bài thơ vài lần để:  -  -  - |
| \*/ Lập dàn ý  - Viết nhanh ý tưởng dưới dạng cụm từ hoặc sơ đồ tư duy  + Mở đoạn:  + Thân đoạn:  + Kết đoạn: |
| Bước 3:  Viết đoạn văn |  |
| Bước 4:  Xem lại và chỉnh sửa,  rút kinh nghiệm | - Xem lại và chỉnh sửa |
| - Rút kinh nghiệm |

**BÀI 1. NHỮNG GƯƠNG MẶT THÂN YÊU**

***Tuần ……, Tiết ……* - NÓI VÀ NGHE:**

**NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH**

**CỦA NGƯỜI KHÁC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:**

- Tóm tắt được ý chính của người khác khi trình bày.

**2. Về năng lực:**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe bài thuyết trình của người khác và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các bài thuyết trình của bạn.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Biết ghi lại các ý cốt lõi, nội dung cơ bản, tóm lược các ý dưới dạng cụm từ.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Biết cách tóm tắt ý chính do người khác trình bày.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: ghi chép lại những nội dung của bài thuyết trình.

- Trách nhiệm: biết lắng nghe, đánh giá, trân trọng ý kiến do người khác trình bày, chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy tính.

- Giấy A2 hoặc giấy cứng để HS tóm tắt bài trình bày.

- Bảng kiểm kĩ năng tóm tắt ý chính do người khác trình bày.

- Video về sách và kĩ năng giao tiếp.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Kích hoạt được những hiểu biết nền liên quan đến kĩ năng tóm tắt nội dung trình bày của người khác.

- Nhận biết được quy trình thực hiện bài nói.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn và HS thực hiện trò chơi ***“MA TRẬN TỪ KHÓA”***

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV tổ chức trò chơi ***“MA TRẬN TỪ KHÓA”***

A close up of a word

Description automatically generated

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS thực hiện nhiệm vụ, tìm các từ ngữ liên quan đến bài học. (lắng nghe, tóm tắt, sơ đồ, đọc lại, chỉnh sửa)

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

- HS trả lời cá nhân.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

***Bước 4: Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức thông qua các từ ngữ trong trò chơi.

🡪 GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta sẽ thực hành nói và nghe về chủ đề ***Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác***.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Chuẩn bị và thực hành bài nói**

**a. Mục tiêu:**

- Thực hành mẫu cách tóm tắt lại 1 bài nói bằng sơ đồ.

- Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói, tóm tắt.

**b. Nội dung:**

- GV cho HS xem video giới thiệu về sách 🡪 hướng dẫn HS tóm tắt bằng 1 sơ đồ ngắn gọn.

- HS theo dõi bài thuyết trình của bạn, chắt lọc kiến thức.

- HS ghi tóm tắt từ bài trình bày của bạn.

**c. Sản phẩm học tập:**

**-** HS tiếp thu kiến thức và phần tóm tắt của HS.

- Sơ đồ tư duy trên giấy A3 hoặc giấy cứng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **1) Chuẩn bị bài nói**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV cho HS xem video giới thiệu về sách (Bài đạt giải Đại sứ văn hóa đọc 2022)  - GV hướng dẫn HS tóm tắt ý chính lên bảng phụ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS xem video và rút ra các từ khóa về bài giới thiệu sách “Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu”  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS tóm tắt ngắn gọn các đề mục chính theo sơ đồ.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **2) Trình bày bài nói**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV hướng dẫn HS trình bày đề tài đã chuẩn bị trước.  + Tác phẩm văn học em yêu  + Cảm xúc về 1 bài thơ tự do  + Quyển sách em thích nhất  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - Đại diện nhóm trình bày nội dung của nhóm mình.  - HS ghi chép tóm tắt theo cặp đôi hoặc cá nhân.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS dùng từ khóa để tóm tắt theo sơ đồ phần thuyết trình của nhóm bạn.  - Dùng bảng kiểm để nhận xét, đánh giá phần trình bày của nhóm bạn.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe***  - Tìm hiểu trước đề tài của bài thuyết trình, liệt kê những gì em đã biết, đang quan tâm và muốn tìm hiểu thêm về đề tài của bài thuyết trình.  - Xác định mục đích nghe  - Chuẩn bị giấy, bút, … để ghi chép và đánh dấu hoặc gạch chân những thông tin quan trọng trong khi nghe.  ***Bước 2: Nghe và ghi chép***  - Lắng nghe nội dung trình bày: cần nghe hết câu, hết ý để hiểu rõ điều người trình bày muốn nói.  - Theo dõi và ghi lại những nội dung chính.  - Theo dõi các lập luận, bằng chứng mà người nói sử dụng để làm rõ các ý chính của bài thuyết trình; ghi tóm tắt các nội dung đó bằng từ/ cụm từ…  - Chú ý điệu bộ, cử chỉ, tốc độ của giọng người nói và những nội dung được lặp đi lặp lại, nhấn mạnh để xác định ý chính của bài thuyết trình.  - Ghi chú hoặc nêu câu hỏi về những điểm em chưa hiểu rõ hoặc chưa nghe kịp.  ***Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và phản hồi***   * Đọc lại và trao đổi nội dung   - Đối với những chỗ chưa rõ, nêu câu hỏi hoặc đề nghị người thuyết trình giải thích/ trình bày lại để bảm đảm bảo em hiểu đúng ý người nói. |

**II. Trao đổi bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/ bài thuyết trình, nhận ra ưu và khuyết điểm phần tóm tắt của mình.

**b. Nội dung:** HS theo dõi bài tóm tắt của bạn, nhận xét ưu và khuyết điểm, rút ra bài học cho mình.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  1. Trình chiếu phiếu đánh giá hoạt động tóm tắt theo các tiêu chí.  2. Yêu cầu HS đánh giá bài tóm tắt của bạn theo tiêu chí.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - GV hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá hoạt động tóm tắt của bạn theo phiếu tiêu chí.  - HS quan sát hoạt động tóm tắt của bạn và ghi nhận xét ra giấy.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - HS nhận xét, đánh giá hoạt động tóm tắt của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét hoạt động nhóm, tóm tắt của HS, nhận xét cách nhận xét của HS. | * Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. * Nhận xét của HS.  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Bài tóm tắt thể hiện đầy đủ chính xác phần trình bày của bạn. |  |  | | Ghi được ngắn gọn các thông tin chính mà người khác trình bày bằng các từ khóa, sơ đồ. |  |  | | Các ý được tóm tắt rõ ràng mạch lạc. |  |  | |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV cho HS xem video về 15 kĩ năng giao tiếp khôn ngoan để ai cũng yêu quý bạn, yêu cầu HS nghe và tóm tắt dưới dạng sơ đồ, sau đó thảo luận theo cặp để thống nhất nội dung tóm tắt.

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS nghe video và tóm tắt nội dung. Sau đó thảo luận theo cặp để thống nhất nội dung tóm tắt.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

- GV mời 3 HS trình bày phần tóm tắt của mình sau khi đã thảo luận theo cặp. GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**PHỤ LỤC:**

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| ***Chuẩn bị trước khi nghe*** | Liệt kê những gì đã biết và muốn tìm hiểu thêm về đề tài của bài thuyết trình |  |  |
| Xác định mục đích nghe |  |  |
| Xác định đề tài của bài thuyết trình |  |  |
| ***Nghe ý chính và ghi tóm tắt*** | Xác định được đầy đủ các ý  chính của bài thuyết trình |  |  |
| Xác định được đầy đủ các ý chính dưới dạng từ khóa, sơ đồ, kí hiệu |  |  |
| Trình bày các ý chính một cách rõ ràng, mạch lạc |  |  |
| Hỏi lại những thông tin chưa hiểu rõ trong khi nghe |  |  |

--------- 🙢 🕮🕮🕮 🙠 ---------

**BÀI 1. NHỮNG GƯƠNG MẶT THÂN YÊU**

**ÔN TẬP**

A cartoon of a child singing

Description automatically generatedA person holding a baby in a hammock

Description automatically generatedA person holding a baby

Description automatically generatedA group of people carrying hay

Description automatically generatedA room with baskets on the shelves

Description automatically generated

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- So sánh và chỉ ra được những điểm giống và khác nhau giữa hai văn bản thơ (*Trong lòng mẹ và Nhớ đồng*) đã học.

- Nhận xét được về thể thơ, vần, nhịp của một khổ thơ mới.

- Xác định được từ tượng hình, từ tượng thanh và nêu được công dụng của chúng

- Nêu được trải nghiệm thú vị khi làm bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ

- Viết được một đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ tự mà bản thân yêu thích.

- Liệt kê được một vài kĩ năng khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

- Nêu được ý nghĩa của tình yêu thương làm giàu tâm hồn của con người

**2. Về năng lực:**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực nghe và tóm tắt ý chính do người khác trình bày

**3. Về phẩm chất:**

- Cảm nhận và yêu vẻ đẹp của gia đình, của thiên nhiên.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Sống lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH ÔN TẬP**

**1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung ***Bài 1. Những gương mặt thân yêu***

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi và củng cố bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

GV tổ chức trò chơi: “***Ai là triệu phú***”, yêu cầu HS nhắc lại những nội dung và kiến thức đã được học trong bài 1.

***Câu 1. Vai trò của vần trong thơ là gì?***

A. Liên kết các dòng và câu thơ B. Đánh dấu nhịp thơ

C. Tạo nhịp điệu, âm vang cho thơ **D. Đáp án A,B,C đều đúng**

***Câu 2: Điền từ còn thiếu trong câu sau: Cảm xúc chủ đạo là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định, tác động đến cảm xúc của … …***

**A. người đọc** B. nhà thơ

C. tác giả D. nhà văn

***Câu 3: Tác phẩm văn học là sản phẩm của ... … … , sáng tạo, được thể hiện bằng ngôn từ.***

A. Hiện thực cuộc sống **B. Trí tưởng tượng**

C. Tác giả D. Hư cấu

***Câu 4: Nhờ vào đâu mà người đọc có thể trải nghiệm cuộc sống được miêu tả, hoá thân vào các nhân vật, cảm nhận vào các nhân vật, từ đó cảm nhận và hiểu vb đầy đủ, sâu sắc hơn?***

A. kĩ năng liên hệ B. kĩ năng suy luận

**C. khả năng tưởng tượng** D. kĩ năng theo dõi

***Câu 5: Những từ sau được xếp vào loại từ vựng nào: tẻo teo, sừng sững, bè bè, nhỏ nhắn?***

A. từ ghép B. từ tượng thanh

C. từ đơn **D. từ tượng hình**

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận nhiệm vụ, tham gia trò chơi.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:*** Câu trả lời cá nhân của HS.

***B4: Kết luận, nhận định:*** Sau khi HS tham gia trò chơi xong GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức.

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được nội dung và nghệ thuật của các văn bản đã học.

- Nắm chắc đặc điểm của thể thơ sáu chữ, thơ bảy chữ.

- Nhận biết và nêu được công dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh.

- Nắm được đặc điểm, quy trình của một đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ.

- Lưu ý với kĩ năng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

- Nêu được ý nghĩa của tình yêu thương làm giàu tâm hồn của con người.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d.** **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của câu hỏi 1 trước lớp: Chỉ ra một số điểm giống và khác nhau giữa hai văn bản *Trong lời mẹ hát* và *Nhớ đồng*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn để hoàn thành Phiếu học tập số 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phương diện so sánh** | **Trong lời mẹ hát** | **Nhớ đồng** | | **Giống nhau** |  | | | **Khác nhau** |  |  |   ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận cặp đôi (theo bàn).  - GV quan sát, hỗ trợ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - 1-3 nhóm HS trình bày kết quả. 1 nhóm HS làm phần giống nhau giữa 2 văn bản, 2 nhóm HS hoàn thành phần khác nhau giữa hai văn bản.  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  ***B4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. | **Câu 1: Tìm một số điểm giống nhau, khác nhau về nội dung và hình thức giữa bài thơ “Trong lời mẹ hát” và “Nhớ đồng”.**  ***Phiếu học tập số 1***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phương diện so sánh** | **Trong lời mẹ hát** | **Nhớ đồng** | | **Giống nhau** | - Thể hiện tình cảm của nhà thơ với con người và quê hương.  - Chủ yếu dùng vần chân.  - Sử dụng từ tượng thanh, từ tượng hình, điệp từ, điệp ngữ, ... | | | **Khác nhau** | - **Nội dung:** Qua lời ru con của mẹ, tác giả thể hiện tình cảm yêu thương sâu sắc, lòng biết ơn đối với mẹ và tình yêu quê hương, đất nước mà mẹ đã truyền dạy cho con.  - **Nghệ thuật:** thể thơ sáu chữ, chủ yếu gieo vần cách; giọng thơ yêu thương tha thiết xen lẫn xót xa, … | - **Nội dung:** Bài thơ thể hiện tình cảm nhớ thương da diết cảnh vật quê hương, con người, niềm khao khát tự do của người tù trẻ tuổi có trái tim đang căng đầy nhựa sống và tràn trề nhiệt huyết.  - **Nghệ thuật:** thể thơ bảy chữ, kết hợp vần liền với vần cách; giọng thơ tha thiết, đượm buồn, … | |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV gọi HS nêu yêu cầu của câu hỏi 2: Nhận xét về cách ngắt nhịp và gieo vần của khổ thơ SGK/29  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS suy nghĩ cá nhân.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS trình bày kết quả.  - HS khác nghe, nhận xét và bổ sung  ***B4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Câu 2: Nhận xét về cách ngắt nhịp và gieo vần:**   * Cách gieo vần: vần chân kết hợp vần cách (lá-ca-nhà) * Ngắt nhịp: 3/4 |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV gọi HS đọc yêu cầu của câu hỏi 3: *Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh và cho biết tác dụng của chúng.*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo bà  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận cặp đôi (theo bàn).  - GV quan sát, hỗ trợ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - 2-4 nhóm HS trình bày kết quả.  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  ***B4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. | **Câu 3: Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh và cho biết tác dụng.**  **a/ - Từ tượng hình:** *xâm xấp, lấm tấm.*  **- Tác dụng:**  *+ xâm xấp: gợi tả trạng thái nước ở mức không đầy lắm, chỉ đủ phủ kín khắp bề mặt.*  *+ lấm tấm: gợi tả hình ảnh những cây mạ non mọc lên ở nhiều điểm và đều trên sân.*  **b/ - Từ tượng thanh:** *xào xạc, rỉ rả, lộp độp.*  **- Tác dụng:**  *+ xào xạc: mô phỏng tiếng lá cây cay động nhẹ và va chạm vào nhau.*  *+ rỉ rả: mô phỏng âm thanh nhỏ, không cao, lặp đi lặp lại của côn trùng trong đêm.*  *+ lộp bộp: mô phỏng âm thanh trầm, nặng, thưa, không đều của hạt sương rơi xuống đất.* |
| \*\* Câu hỏi 4,5,6,7: HS chuẩn bị trước ở nhà, trình bày vào PHT  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV giao nhiệm vụ và chia nhóm ở tiết học trước.  + Nhóm 1,2: câu 4  + Nhóm 3,4: câu 5  + Nhóm 5,6: câu 6  **A cartoon of a child kissing a child  Description automatically generated**+ Nhóm 7,8: câu 7  - GV hướng dẫn HS cách làm việc nhóm ở nhà và trả lời vào PHT.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS hoàn thành PHT ở nhà.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả.  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  ***B4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. | **A screenshot of a notebook  Description automatically generated** |

**3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

-Củng cố lại kiến thức về ***Bài 1. Những gương mặt thân yêu*** đã học.

- Mở rộng thêm bài học bằng khả năng sáng tác thơ, vẽ tranh.

**b) Nội dung:**

- GV phổ biến bài tập và hình thức nộp sản phẩm.

- HS chọn và thực hành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV yêu cầu HS chọn 1 trong 2 nhiệm vụ học tập sau:

+ Nhiệm vụ 1: Em hãy sáng tác 1 bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ về gia đình hoặc thiên nhiên.

+ Nhiệm vụ 2: Em hãy vẽ 1 bức tranh trên giấy A4 về gia đình hoặc thiên nhiên.

- GV hướng dẫn HS cách làm và cách nộp sản phẩm.

- GV tạo đường link Padlet và gởi cho HS tự đưa sản phẩm của mình lên.

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu của đề, chia nhóm và chọn hình thức, đề tài nếu cần.

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và chia sẻ sản phẩm lên đường link Padlet.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

- HS chia sẻ sản phẩm của mình hoặc nhóm mình lên đường link Padlet.

***B4: Kết luận, nhận định:***

- GV nhận xét thái độ và bài làm của HS vào tiết học sau.

--------- 🙢 🕮🕮🕮 🙠 ---------